

ẢNH HƯỞNG TRIẾT LÝ VÀ TƯ TƯỞNG NGOẠI LẠI VÀO TẬP TỤC-LỄ HỘI XỨ QUẢNG

Ngay từ khi mới quy dân lập làng, lập ấp, cuộc sống của người Quảng còn hết sức khó khăn. Để tồn tại lâu dài trên vùng đất mới, cần khắc phục những khó khăn do môi trường nơi sinh sống đặt ra, tiến lên thiết lập các đơn vị hành chính quy cũ. Cơ sở thực tiễn luôn là trực quan sinh động có tác động thường xuyên vào nhận thức của con người, cho nên đầu tiên là nhận thức thế giới tự nhiên quanh mình và nhận thức chính mình trong hoàn cảnh hiện thực đó.

Nói thế giới tự nhiên là lực lượng thiên nhiên như: mưa nắng, gió bão, sấm sét, lụt lội, hạn hán, những vụ cháy rừng..., các dã thú trên rừng luôn là lực lượng đáng sợ. Tất cả có thể làm chết người mà việc hạn chế và nhận thức được lực lượng này ngay từ thuở ban đầu ấy, quả là vô cùng bí hiểm. Bởi thế, ngay từ thuở ấy, người dân xứ Quảng ngập chìm trong màn sương dày đặc của thần quyền. Hễ không nhận thức được thế giới chung quanh thì đó là lực lượng thần linh tạo nên, do đó có thể, tư tưởng chung của người dân xứ Quảng thời kỳ này vẫn là tư tưởng đa thần như đã từng quan niệm. Nói một cách khác, tư tưởng này không riêng cho người xứ Quảng mà cho cả dân tộc Việt thuở xưa. Vì quan niệm có thần nên trong nhận thức của người dân xứ Quảng, con người khi mất đi cũng là một thần linh, một năng lực siêu nhiên để bảo vệ con cháu

sinh tồn mãi mãi. Do đó, từ thực tiễn của hoàn cảnh mà hình thành nên quan niệm: *đương nhiên con người là một thần linh trong muôn nghìn thần linh, còn có khả năng mạnh hơn các năng lực thiên nhiên khác*. Phải chăng từ đó là dấu mốc phát sinh thờ cúng tổ tiên mà nay là tinh thần của người dân xứ Quảng nói riêng và của người Việt nói chung. Quan niệm về vũ trụ nhân sinh không phải chỉ tồn tại trong một giai đoạn nào đó của lịch sử phát triển, trái lại còn tồn tại suốt cả thời kỳ phong kiến với nhiều hình thức dường ít có thay đổi từ xa xưa ấy. Tất cả đã ảnh hưởng vào tập tục, lễ hội người Quảng hát sức sâu sắc. Nay vẫn không ngoài quan niệm đó.

Xưa:

Người dân xứ Quảng đến vùng đất mới, đã nhanh chóng định cư, ổn định được cuộc sống của mình, trong đó chủ yếu vẫn là kinh tế dựa trên nền nông nghiệp lúa nước. Nền kinh tế nông nghiệp kế thừa cho phép nảy sinh ra một nền văn hoá tương ứng, bổ sung cho văn hoá gốc đã có. Nền văn hoá này kết hợp với quan niệm thần linh để từ đó hình thành nên cách nhìn, cách nghĩ mới vào thế giới tự nhiên. Vận dụng yếu tố thần linh để lý giải *“thiên nhiên và con người nơi đây bằng yếu tố thần thoại như thần thoại về Núi Non Nước, sự tích về đất Gò Nổi, về sông Hà Sáu, về chùa Bồng Lai, hoặc truyền thuyết về Tháp Chàm”*¹.

¹ Nhiều tác giả - *Văn nghệ dân gian Quảng Nam-Đà Nẵng*. Tập 1. Nxb Đà Nẵng 1983. Tr. 28.

Chính nền văn hoá này đã giữ vai trò quan trọng hàng đầu trong các tục lễ của nhân dân xứ Quảng, và do đó đời sống cá nhân riêng lẻ hay cả cộng đồng không tách rời khỏi tư tưởng đó. Điều này chứng minh rằng trong xã hội nông nghiệp thời kỳ đầu của xứ Quảng đã không có sự phân ly giữa thế giới khách quan và con người sống trong hoàn cảnh khách quan của tự nhiên mà trái lại, đây là mối quan hệ hỗ tương nhau, nương tựa vào nhau cùng tồn tại. Từ đó hình thành nên quan niệm con người không tách rời khỏi vũ trụ mà tồn tại cùng với vũ trụ. Trời được xem là một lực lượng hiển nhiên, có nhân cách và biết tư duy. Trong dân gian người Quảng mỗi khi gặp phải sự cố khắt nghiệt, đau thương, thường “*dậm chân xuống đất kêu Trời*”, “*Dậm chân, đấm ngực kêu Trời*” hoặc “*thề có đất trời chứng giám*”, “*tử sinh nhờ trời*”, “*phú cho trời*”... Chính đó, quan niệm con người và Trời có mối quan hệ tương quan qua lại mà lực lượng trung gian là những thần linh. Trời mặc dầu ở xa nhưng thường xuyên phán quyết chuyện trần gian. Chuyện *Cóc kiện Trời* của người Việt là một ví dụ. Trời có thể thưởng, phạt ra ân, ra uy, ban phúc, giáng hoạ cho muôn loài.

*Hư hao Tý Sửu, Dân năm lợi gì
Hai năm thiên hạ còn chi
Mùa mất dân đói làm ri hơi trời
Lấy chi râu thuế ở đời
Hạn sáu bảy tháng không rơi hột nào
Kêu trời, trời ở trên cao
Ai có hột nào thì giữ lấy ăn.*

Trong cuộc sống vốn đã còn nhiều cơ cực, tư tưởng người dân thường quan niệm Trời thưởng phạt con người do con người làm phiền lòng Trời, ăn ở không phải đạo (nghĩa đạo hăng). Trời phạt, trung triệu: làm hạn hán, lũ lụt, bão tố, đói kém...

*“Trời làm một cuộc tây may,
Tỷ hư, Sỉu hao, Dân thất bại
Tháng ba đã tới, tháng bảy đã qua
Thiên hạ gần xa đều nghe chao chát
Trời làm bạc ác, lúa mất trơ ngoi
Rủ nhau dọn bờ đào củ rau má
Trời làm quấy quá, rau má hết rồi,*

báo hiệu qua các hiện tượng sao chổi, nhật thực, nguyệt thực... Nếu vua chúa có tội thì Trời phạt, gây nên đại hạn, đại dịch. Trời làm như vậy ai biết ý Trời, ai sẽ là người làm môi giới? Đó là vua hay thiên tử nên vua mới được và có quyền cúng Trời. Một vài địa phương ở xứ Quảng xưa kia có tục “Đảo võ” do người già của làng đến tại Đình làng, miếu làng ăn chay ngủ đất 3 ngày đêm nhằm tỏ rõ đã nhận sự trừng phạt của Trời, làm thế để được lòng Trời mong cho Trời thôi trung triệu, nhất là những năm đại hạn. Thì đây là câu Trời: “*Cầu Trời mưa xuống. Lấy nước tôi uống. Lấy ruộng tôi cày...”. Thương anh, em để có nơi. Còn thương ai nữa thời Trời Đất hay!* Người xứ Quảng cũng đã quan niệm như vậy nên lý giải các hiện tượng tự nhiên dựa vào yếu tố duy tâm, mượn các nhân vật trung gian là các thần ở đình, miếu, vì lực lượng này có khả năng hiểu được ý Trời. Chính đó “Đảo võ” là một hình

thức thông qua lực lượng trung gian. Chỗ này, một số phong tục, tập quán của người dân xứ Quảng lấy yếu tố thần linh để giải thích, có tiêu cực là cơ sở cho tư tưởng Lão-Trang chen vào mở ra nhiều hình thức lễ nghi mang sắc thái phù thủy:

*Trời làm cay đắng, thợ mộc, thợ rèn
thợ cưa, thợ tiện
Trên trời thắt miệng, dưới nền cỏ bông
Lúa hết ba công năm nhà nhịn đói
Còn nghề thầy bói, con mắt đã đui
Trời nó hại tui bỏ mu rùa tiên quả
Còn nghề thợ xẻ, ăn hết riết cùng
Hết đại, hết khôn, dẹp phù dẹp phép.*

Quan niệm Trời - Người cảm ứng nhau, thông cảm nhau, từ đó nhận thức của người dân xứ Quảng cho rằng mọi vật đều có hai mặt của nó, đây chính là biểu hiện của âm-dương (như học thuyết âm, dương-ngũ hành của phương đông), Quan niệm này được vận dụng hầu hết vào các hiện tượng tự nhiên, hiện tượng 4 mùa chính là âm dương vốn xoay chuyển và thay thế nhau với sự đổi thay của Trời - Đất.

Mùa xuân, mặt trời quang đãng, chuẩn bị sang đông, sáng hay có sương mù, nắng lại âm áp hiền hoà để chịu, cây cỏ phát triển đâm chồi, nảy lộc ra hoa và kết trái. Từ lạnh lẽo rét buốt của mùa đông, một sự hồi sinh đã đến và trù lên vũ trụ, đây cũng là sự phản tính của thiên nhiên. Trong xôn xao của đất-trời tất cả đã đổi thay, đây là lúc dương đang thịnh và cứ theo dần ánh sáng đậm nhạt sang hè. Hè đến, sức nóng dâng đến

điểm đỉnh trong cây cỏ, con người. Lá cây có màu xanh đậm, hoa tàn để lại quả, lúa lại chín vàng vào độ cuối tháng ba. Tất cả phát triển nhờ vào nguồn năng lượng phong phú của ánh sáng mặt trời. Sức nóng của mặt trời càng nồng, sự sống càng trở nên ể oải vì cũng như trong cây lá, theo đà phát triển của thời tiết, dương lên đến điểm cực mạnh và sắp biến thể. Sự kiện đó làm cho con người cảm thấy mệt mỏi, do ở chỗ tất cả đã phong phú và tràn đầy. Đến thu sang thiên nhiên lại nhuốm màu, cây lá ử vàng, con người cảm thấy dịu lại, trầm lắng. Đây là lúc dương đến cực độ, biến thể và âm thịnh. Sự sống được quan niệm là bắt đầu đi xuống theo con đường tiệm tiến. Mùa đông, con người, cây cỏ cảm thấy như già hẳn đi, co ro trong không khí lạnh, không gian nhuốm màu u buồn. Sự sống như ngưng đọng thấp nhất là biểu hiện của âm thịnh. Và sau đây xuân về, thiên nhiên, con người lại rạng rỡ thêm ra. Một chu kỳ mới lại bắt đầu. Theo chu kỳ này, có rất nhiều tập tục được hình thành phù hợp theo mùa, người miền xuôi căn cứ vào đó có hai mùa lúa, các loại cây trồng khác, phát triển một số ngành nghề thủ công phù hợp tiết trời. Người miền núi theo tiết trời mưa và khô nên trỉa lúa vào các tháng phù hợp và thu hoạch trước mùa mưa lũ tràn về. Những tháng còn lại trong năm dùng vào lễ hội, cưới hỏi, săn bắn... cho phù hợp.

Văn hoá xứ Quảng tiếp tục thiết lập trên cơ sở lúa nước, lấy thảo mộc và khí hậu làm trung tâm đã đi vào quan niệm nhân sinh càng lúc càng sâu trong tư duy người dân xứ Quảng một cách tự nhiên, làm cho tâm lý, sự hiểu biết, ý chí, tư duy sáng tạo đều có quan hệ mật thiết với thiên nhiên.

Tư tưởng này có được không phải chỉ đến vùng đất mới định cư mới nảy sinh mà đã mang theo từ thời kỳ đầu mở nước. Vào đến đất lạ, xa quê viễn xứ, quan niệm về âm, dương – ngũ hành được củng cố và phát triển để lý giải các hiện tượng tự nhiên đang không ngừng nghỉ trấn áp con người, mới có thể hình thành niềm tin mà trụ bám. Thời kỳ đầu mở đất, nền khoa học chưa được chú trọng (hay đúng hơn là chưa có sự giao lưu rộng rãi), thì việc lý giải các hiện tượng dựa vào thuyết âm, dương – ngũ hành càng được chú trọng. Chính vì thế một số phong tục, tập quán và lễ hội xứ Quảng chịu ảnh hưởng của thuyết này và cũng vì thuyết âm, dương – ngũ hành đã để lại trong người dân nơi đây một số phong tục tập quán trở thành “hệ” trong dân, khó thay đổi. Các phong tục được lặp đi, lặp lại hằng năm mà chưa có sự thay đổi nào đáng kể, chưa có yếu tố mới nào khẳng định và thay thế những thành tố hoặc tập tục lạc hậu, nhất là trong kiêng cử khi sinh đẻ, việc tang, làm nhà, cả các ngành nghề thủ công cũng kiêng kỵ, nhất là yếu tố âm. Người phụ nữ được xem là âm nên gì liên quan đến âm đều cử kỹ lưỡng. Nuôi tằm, ươm tơ mà để phụ nữ có kinh nguyệt đến xem, nhìn ngắm thì thế nào cũng hỏng... Đi học cũng phải xem ngày giờ tốt xấu, hớt tóc cũng vậy. Mãi đến 1945, sau cánh mạng Tháng Tám, khi tiếp thu học thuyết mới, biện chứng, xem sự vật trong quá trình phát triển khách quan ảnh hưởng vào đời sống nhân dân, tình hình bắt đầu được cải thiện, những phong tục, tập quán cũ có thành tố không hợp thời được loại bỏ dần ra khỏi cuộc sống.

Xét mức độ ảnh hưởng của âm, dương – ngũ hành trong cuộc sống, có mặt đúng và thích hợp. Ở chỗ, mọi sự vật đều

chứa các mặt đối lập, đấu tranh nhau để phủ định cái cũ. Đây cũng là quá trình phát triển tiến lên của cộng đồng. Chính đó, các tập tục, lễ hội tồn tại lâu dài do có lý của mỗi thành tố được soi rọi và giải thích bằng thuyết âm, dương – ngũ hành.

Tuy nhiên mặt không triệt để của âm, dương – ngũ hành là có dựa vào nhau nhưng không thủ tiêu, không phủ định hoàn toàn cái cũ để khẳng định cái mới. Nguyên tắc của âm, dương là giữ lấy cân bằng không để bên nào lấn lướt. Âm thịnh cũng sai, dương thịnh cũng sai, nếu cả hai cùng thịnh hoặc cùng suy, sự vật sẽ ở vào thế liệt. Do vậy, ảnh hưởng vào trong tư tưởng con người có khi không dứt khoát, không bỏ được những thành tố cũ trong phong tục, thay bằng những yếu tố mới, tích cực, nghĩa là không cách mạng. Quan niệm này ảnh hưởng vào phong tục, lễ hội, những kiêng cử trong sinh hoạt hằng ngày của người dân xứ Quảng thường mang dáng dấp âm, dương – ngũ hành như coi giò, ngày, giờ, một số tập tục trong tục sinh đẻ, trong hôn nhân như việc tương hợp tương khắc, việc tang ma như chám thất tinh, im trùng, khoán... Nay, để cuộc sống phù hợp với thực tiễn, một bộ phận lớn người dân không tin vào bùa chú, nhưng vẫn có một bộ phận nhỏ người dân ảnh hưởng của nó không phải đã mất.

Sinh sống trên một vùng nông nghiệp lúa nước, người Quảng cũng không có quan niệm vật thể phân ly, xa rời con người với vũ trụ để dần đến sự huỷ diệt, trái lại họ vẫn tiếp tục nhìn thấy cái lý đồng nhất tương quan rất rộng lớn giữa con người với thiên nhiên. Từ đó, hình thành quan niệm con người phải dựa vào thiên nhiên để tồn tại và phát triển những tồn tại

còn ẩn trong thiên nhiên để làm phong phú thêm đời sống hằng ngày. Đó cũng là tư tưởng biến dịch, tư tưởng “*khổ tận cam lai*” tư tưởng “*ai giàu ba họ, hàn vi ba đời*” đã góp phần củng cố niềm hy vọng. Tư tưởng không triệt để bỏ hẳn cái cũ, tiếp thu nhanh cái mới để phát triển của người xứ Quảng vẫn tồn tại, vẫn còn tư tưởng dung hoà, vẫn vận dụng thuyết âm, dương vào tròn xây dựng cuộc sống. Do vậy, những lưu dân khi đến vùng đất mới khai sơn phá thạch, mở rộng biên cương cho đất nước, người xứ Quảng hình thành được tính hiếu hoà, thẳng thắn, mà bộc trực nghĩa là có âm mà có dương, có bất biến nhưng đồng thời cũng là một quá trình biến dịch không ngừng nghỉ.

Tư tưởng biến dịch được biểu hiện trong nền kinh tế nói chung, mặt khác còn biểu hiện ở các tập tục, lễ hội. Trong sản xuất nông nghiệp như việc ngâm giống, chọn giống lúa, các lần thượng điền, hạ điền, thu lúa, cho vay tiền, mượn lúa đều có kiêng cử đi kèm. Đây là quan niệm cũ một thời đã là hệ tư tưởng chi phối mọi tư duy trong thực tiễn của người dân xứ Quảng. Từ đó họ tin vào thần quyền, tà ma, quỷ dữ.

Đặc thù của nền văn hoá – văn minh nông nghiệp lúa nước là đời sống cá nhân không thể tách khỏi cộng đồng, đồng thời cũng không hy sinh cho tập thể vươn lên. Tư tưởng người dân xứ Quảng do sẵn có tinh thần đoàn kết ngay từ khi vào vùng đất mới nên con người cùng với hoàn cảnh xã hội phát triển lên cùng một lúc và song song tồn tại, do đó cộng đồng được mạnh lên. Đây là phương thức cái toàn thể quyết định cái bộ phận, giá trị của bộ phận (cá thể) do mối quan hệ giữa

cá thể và bộ phận quyết định. Bộ phận tất yếu phải phục tùng toàn thể, cá thể phải phục tùng tập thể. Chính đó, trong sự phát triển chung, đời sống riêng lẻ từng người, từng gia đình có khi bị tiêu diệt bởi sự vụng về của chính cá thể, nhưng trong hoà điệu chung của cộng đồng bao giờ cũng có một sự phát triển rất đều đặn. Sự sống của một vùng cư trú bao gồm nhiều gia đình, tộc, họ, xóm làng mà ở đây gia đình được xem như tế bào của xã hội. Vì lẽ đó, gia đình không bị bóp chết mà cùng song song tồn tại để tiến lên cùng với cộng đồng của vùng cư trú. Điều này thể hiện ở hầu hết các mặt hoạt động xã hội xưa, trong đó có văn hoá, nghệ thuật của vùng. Từ quan niệm này biểu hiện trong phong tục, tập quán, lễ hội thường lặp đi, lặp lại dễ thấy nhất là tục chạp mả hằng năm, tục ma chay, cưới hỏi. Không một cá thể nào tách ra khỏi tộc họ trong lần tu tảo mộ phần tiên tổ. Hoặc hàng loạt tập tục, thể lệ của tháng chạp trước khi bước vào ngày Tết nguyên đán, không nhà nào, người nào ở xứ Quảng lại không chịu ảnh hưởng của phong tục Tết cổ truyền. Ngay trong những ngày Tết, có tục đập đất đầu năm thì không gia đình nào trước đây tránh khỏi.² Một số các tục lệ kiêng cử theo đó mà có. Điều đó cho biết vận dụng các nghi lễ, thói quen có trong Gia lễ ở xứ Quảng mỗi nơi mỗi khác, và hoàn toàn tùy thuộc vào hiện thực khách quan của mỗi vùng, miền.

Thời cận hiện đại, tư tưởng triết lý người Quảng còn được bổ sung với học thuyết “*Trung thiên dịch*” và “*Trung thiên đạo*” của cụ Trần Cao Vân. Trung thiên dịch bao gồm *Trời - Đất - Người* tức thuyết về *tam tài* tức *Thiên – Địa – Nhân*.

² Xem: *Tết xứ Quảng* – Võ Văn Hoè – Nxb Đà Nẵng 2005.

Trung thiên đạo bao gồm *đạo người, người sống ở giữa trời và đất cho nên trung vừa là thể vừa là dụng* của con người. Do ảnh hưởng từ tư tưởng triết lý này, người dân xứ Quảng biết hoà mình vào cơ sở thực tiễn để tồn tại, cuộc sống được tổ chức cân bằng giữa thiên nhiên với con người. Chính đó, người Quảng luôn sống lạc quan tin tưởng vào quá trình phát triển vươn lên trong cuộc sống³

Nhìn chung, xuất phát từ cơ sở thực tiễn của vùng đất Quảng Nam mà các phong tục, tập quán, lễ hội được duy trì và củng cố, dựa trên tư tưởng triết lý của nhân dân. Triết lý âm, dương – ngũ hành cũng là chung cho cả nước vào thời phong kiến, song do thực tiễn mỗi nơi mỗi khác nên phản ảnh trong tư duy và cách thức thực hành phong tục mỗi nơi có khác nhau nhằm phù hợp với yêu cầu xã hội và hoàn cảnh tự nhiên khác mà con người sinh sống. Tư tưởng triết lý Trời - Người cảm ứng nhau nên quan niệm có thần, thành ra người dân xứ Quảng tin vào thần linh và thờ thần, và cùng với thờ thần là thờ cúng tổ tiên mình như trước đây họ đã từng thể hiện khi còn ở tại quê hương bản quán.

Các lực lượng siêu nhiên này theo quan niệm xưa đều có nhân cách, có tư duy và suy đoán được việc đời. Vua có tội thì Trời phạt, con cháu có tội thì tổ tiên phạt con người có tội quý⁴, thần bắt phạt. Tư tưởng âm, dương – ngũ hành mà tạo nên

³ Xem: *Quảng Nam trong hành trình mở cõi giữ nước* - Nguyễn Q Thắng. Nxb Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2005. Tr 662.

⁴ Quý: loài yêu quái mà nhiều người tin rằng có. Tục ngữ có: *Nhất quý nhì ma thứ ba học trò*. Theo Từ điển Việt Nam – Thanh Nghị – Sài Gòn 1958.

các tục, lễ, hội hè, chọn lựa tương khắc trong việc dựng nhà, làm nhà, làm bếp, trở ngõ, ma chay... Tư tưởng biến dịch khắc sâu, biểu hiện lâu đời tạo nên phong tục, tập quán cho từng vùng, có khi cùng một phong tục, song có thành tố khác nhau chi phối mà cơ sở vẫn là thần linh, vẫn vì lực lượng siêu nhiên mà thể hiện. Tư tưởng chủ toàn dựa trên nguyên lý cái toàn thể quyết định cái bộ phận, giá trị của bộ phận do mối quan hệ giữa chúng quyết định, tức giữa bộ phận với toàn thể. Vì thế tạo nên phong tục, tập quán, lễ hội vào từng thời điểm trong năm, lặp đi lặp lại, khắc sâu và được duy trì một cách tự giác, tự nguyện trong từng mỗi con người xứ Quảng.

Ngày xưa, những quan niệm như thế đối với người dân xứ Quảng nói riêng có giá trị về mặt đạo đức của vùng, xuất hiện trong bối cảnh con người còn đang tìm cách giải thích các hiện tượng tự nhiên. Thời gian qua, những bậc thang giá trị tinh thần lưu hành trong nhân dân một cách tự giác, chịu tác động thường xuyên của khó khăn kinh tế và đời sống. Phong tục, tập quán, lễ hội trên cơ sở thực tiễn mà hình thành, nhưng cũng chính thời gian và cuộc sống có biến đổi đã gạn lọc ít nhiều, có những phong tục tốt còn duy trì được, có phong tục không còn duy trì được nữa đã bị loại ra khỏi bảng giá trị.

Nay:

Đến nay, từ khi hệ tư tưởng phong kiến dần rút lui, những tư tưởng, quan niệm xưa đang dần dần được loại bỏ, thay vào đó bằng quan niệm và tư tưởng mới, biện chứng, khoa học, phù hợp. Những giá trị xưa và nay đang trên tiến trình phủ

định nhau, những gì tồn tại được, xem như đây là sự bền vững được thiết lập trong cộng đồng, đó cũng chính là bản sắc văn hoá Quảng.

Trong lịch sử phát triển của xã hội xứ Quảng, văn hoá chỉ gắn liền với con người và xã hội. Cội nguồn của sự tồn tại và phát triển của văn hoá là hoạt động sáng tạo của con người. Trình độ phát triển chung của văn hoá phụ thuộc trực tiếp vào trình độ làm chủ tự nhiên, bản thân và xã hội của con người trên một vùng cư trú.

Kế tục quan niệm nhìn nhận văn hoá với tư cách là sự phát triển những năng lực bản chất của con người, tư tưởng triết lý mới đã đưa ra quan niệm gắn kết chặt chẽ văn hoá với quá trình phát triển kinh tế - xã hội, phát triển toàn diện con người. Ngay từ rất sớm, Chủ Tịch Hồ Chí Minh đã nhìn nhận: *“ Vì lẽ sinh tồn cũng như mục đích của cuộc sống, loài người đã sáng tạo và phát minh ra ngôn ngữ, chữ viết; đạo đức, pháp luật, khoa học, tôn giáo, văn học, nghệ thuật, những công cụ sinh hoạt hằng ngày về ăn, ở, mặc và các phương thức sử dụng khác. Toàn bộ những sáng tạo và phát minh đó tức là văn hoá. Văn hoá là sự tổng hợp của mọi phương thức sinh hoạt cùng với biểu hiện của nó mà loài người đã sản sinh ra nhằm thích ứng những nhu cầu đời sống và đòi hỏi của sự sinh tồn”*.⁵ Xuất phát từ kho tàng lý luận của chủ nghĩa Marx – Lenin, tư tưởng Hồ Chí Minh trên cơ sở thực tiễn đương đại, Nghị quyết Trung ương V (khoá 8) của Đảng Cộng sản Việt Nam đã chỉ

⁵ Hồ Chí Minh Toàn tập - Tập 3 – Nxb. CTQG. Hn 1995. Tr 431.

rõ: “*Văn hoá là nền tảng tinh thần của xã hội, văn hoá vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy kinh tế xã hội phát triển*”.

Nhìn lại tiến trình đấu tranh không ngừng nghỉ của người xứ Quảng, đến nay người xứ Quảng đều tự hào vì đã được thừa hưởng một di sản văn hoá vô giá. Trải qua những biến thiên của thời cuộc, những di sản văn hoá đó đã chứng minh văn hoá là nền tảng tinh thần của xã hội, là động lực phát triển kinh tế của con người xứ Quảng. Chính văn hoá và sự tồn tại của các di sản văn hoá (cả vật thể và phi vật thể) xứ Quảng đã giúp cho họ hôm nay có cơ hội trở về nguồn, tìm hiểu tiến trình lịch sử, các giai đoạn hình thành vùng đất phương Nam và lịch sử đấu tranh cách mạng của quê hương. Văn hoá trở thành sợi dây gắn kết, giúp cho con người xứ Quảng ngày càng đoàn kết hơn lên, gắn bó, luôn hiểu biết và tôn trọng lẫn nhau, giúp nhau cùng tồn tại và phát triển như trước đây cha anh họ đã từng đoàn kết nhau khai sơn phá thạch , khai cơ lập nghiệp mới có được xứ sở như hôm nay. Văn hoá người Quảng đã tạo nên bản sắc riêng độc đáo cho họ góp vào nền văn hoá chung dân tộc, tạo nên niềm tự hào, là nguồn sức mạnh giúp họ luôn chiến thắng thiên nhiên và mọi trở lực để tiến lên phía trước. Nhờ có văn hoá mà con người từng bước hoàn thiện thể chất đến tinh thần, trí tuệ. “*Văn hoá với tư cách là một hiện tượng xã hội, chính là sự phát triển những năng lực bản chất của con người, không ngừng nâng cao trình độ làm chủ của con người đối với tự nhiên, xã hội, bản thân, nhằm thoả mãn nhu cầu về sự hiểu biết, khám phá, sáng tạo trong thế giới con người theo hướng ngày càng vươn tới giá trị đích thực của ích, chân, thiện, mỹ. Hay nói khác, văn hoá đó là sự phát triển*

*không ngừng xuất phát từ bản chất của năng lực con người để hướng tới các giá trị nhân văn”.*⁶

Cùng với tư tưởng tiến bộ hiện nay, người dân xứ Quảng bắt đầu nhìn nhận lại những vốn liếng đã có và dần loại ra ngoài đời sống tinh thần của mình những sinh hoạt văn hoá lạc hậu. Toàn bộ những gì là lỗi thời không phù hợp phải được thay thế bằng quan điểm biện chứng, lịch sử. Chính tư tưởng này sẽ mang lại giá trị đạo đức trong lao động và chiến đấu, xây dựng vùng đất Quảng Nam – Đà Nẵng có truyền thống tinh thần tốt đẹp, phát huy bản sắc văn hoá vùng.

Nhiệm vụ trên lĩnh vực xây dựng đời sống văn hoá tinh thần, trong đó các tập tục, lễ hội phải được loại trừ các thành tố không phù hợp: mê tín, dị đoan ra khỏi cuộc sống hiện nay nhằm có được một bản giá trị tinh thần tương ứng, góp phần “*xây dựng nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc*”, phản ánh được những lĩnh vực đặc thù của đời sống xã hội, đó là toàn bộ quá trình lao động sản xuất ra của cải tinh thần và vật chất, đồng thời tái sản xuất ra các giá trị văn hoá, tạo cho con người xứ Quảng có trí tuệ, cường tráng về thể chất, phong phú về tinh thần, trong sáng về đạo đức, tạo ra một sức mạnh ngay trong chính phong tục, tập quán và lễ hội. “*Sức mạnh tập quán ở hàng triệu và hàng chục triệu người là sức mạnh ghê gớm nhất*”⁷ Cho nên, sửa đổi phong tục, phát huy

⁶ Giáo trình: **Văn hoá xã hội chủ nghĩa** – TS Nguyễn Hồng Sơn - Học viện chính trị khu vực III, Đà Nẵng.

⁷ Dẫn theo: **Tài liệu nghiệp vụ Văn hoá - Thông tin cơ sở** - Bộ VH, TT, Cục VH, TT cơ sở xuất bản, Hn 2004. Tr. 337.

sức mạnh to lớn ấy để xây dựng và phát triển phù hợp là điều kiện cần thiết để xây dựng nền tảng trong cộng đồng, tạo ra động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội. Xây dựng, sửa đổi các phong tục, tập quán, lễ hội là phát huy quyền làm chủ của nhân dân lao động Quảng Nam – Đà Nẵng trong sản xuất, phổ biến, hưởng thụ các giá trị văn hoá do cộng đồng mang lại trên hết thấy các lĩnh vực, không chỉ trong phong tục, tập quán mà còn cả những nhu cầu vật chất và tinh thần khác của người dân, vận động trong sự phụ thuộc và tác động tích cực của cơ sở thực tiễn trong đó có chính trị, tư tưởng của xã hội. Đây chính là tham gia vào tiến trình sáng tạo ra cái mới, đưa xứ Quảng bước vào thời kỳ mới, thời kỳ xây dựng vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

2. Ảnh hưởng của tư tưởng ngoại lai vào tập tục, lễ hội đất Quảng

+ Nho giáo

Nho giáo là hệ tư tưởng chính thống của giai cấp phong kiến Trung Hoa. Nho giáo có từ rất lâu, trước Khổng Tử, từ thời nhà Tây Chu, đại diện là Chu Công. Ở đây, không trình bày lịch sử tư tưởng Nho giáo mà chỉ bàn đến ảnh hưởng của Nho giáo trong phạm vi gắn liền những sinh hoạt hằng ngày và ảnh hưởng vào trong phong tục, tập quán, lễ hội của người dân xứ Quảng.

Trước hết, người xứ Quảng từ xưa đã chịu ảnh hưởng của tư tưởng Nho giáo. (Khi chưa đặt chân vào vùng đất mới này đã ảnh hưởng của Nho giáo rồi, do vậy khi bàn đến Nho giáo

ở xứ Quảng không loại trừ tinh thần chung là ảnh hưởng của Nho giáo vào Việt Nam). Vũ trụ quan của Trung Hoa thâm nhập vào nhận thức của người Việt qua Trời tức “*Thiên*”, đây là lực lượng siêu nhiên tồn tại có ý chí, có nhân cách. Thế giới trần tục này là thiên hạ mà đứng đầu trong *Thiên hạ* là *Thiên tử* (con Trời), tuân mệnh lệnh của Trời mà cai trị thiên hạ (nhân dân). Con trời liên hệ với Trời qua lực lượng siêu nhiên là những thần linh. Điều này có phần giống với tư tưởng triết lý của người Việt. Người Việt cũng xem Trời là lực lượng siêu nhiên, là một thần linh. Do thế khi quan niệm trên thâm nhập vào, người Việt có tiếp thu được, tuy rằng mức độ tiếp thu (về mặt nội hàm) còn tùy thuộc vào cơ sở thực tiễn của người Việt. Bằng triết lý như vậy, Nho giáo có thể đến Việt Nam mà ít bị khurót từ. Với Nho giáo, vua là người thay mặt cho Trời mà Trời theo quan niệm của người Việt là một vị thần thượng đẳng. Do vậy, tư tưởng Nho giáo vận dụng vào người Việt một hệ thống kín để truyền bá tư tưởng của họ vào Việt Nam mà đặc biệt bắt đầu từ thời nhà Hán. Vua có quyền như vậy nên mọi người phải phục tùng, tức phục tùng Hoàng đế. Trên đại thể mà nói, người Việt xưa chấp nhận mô hình vũ trụ quan vào hệ tư tưởng triết lý của mình được. Và, từ đó qua hiện tượng giao lưu này mà người Việt làm phong phú thêm cho hệ thống triết lý của mình được, chấp nhận những gì có thể chấp nhận và gạt bỏ tất cả những gì không phù hợp. Trong hệ thống triết lý về âm, dương – ngũ hành, người Việt cũng đồng thời giống Trung Hoa. Và, do đó tạo điều kiện bổ sung thêm tư tưởng triết lý này.

Vì thế, ảnh hưởng của Nho giáo là quan trọng và phong tục ở vùng Quảng Nam – Đà Nẵng nói riêng do tin vào lực lượng thần linh mà thờ cúng thần linh tồn tại song song với thờ cúng ông bà tiên tổ đã có truyền thống từ trước. Không giải thích được các hiện tượng tự nhiên thì đây là thần, vậy nên lập đình, miếu để thờ cúng thần, làm an lòng thần, trông ở thần giúp đỡ. Từ đó mà sinh ra những lễ tục có liên quan đến thần linh mà con người chịu thực hiện.

Về mặt xã hội, Nho giáo chia ra quân tử, tiểu nhân. Mạnh tử khẳng định: “*Nếu không có quân tử, lấy ai cai trị thôn quê (chỉ người nông dân), nếu không có kẻ thôn quê, lấy ai nuôi người quân tử*” hoặc “*Kẻ lao tâm thì trị người, kẻ lao lực thì bị người trị*”⁸ Chính tư tưởng này đã ảnh hưởng đến người Việt làm cho cả ngàn năm có tục lệ xem thường người nông thôn, người phụ nữ. Ở xứ Quảng không ngoài tầm ảnh hưởng này, có điều, vùng đất mới, cơ sở thực tiễn ở đây có tính quyết định tư tưởng của người dân, vì vậy, dẫu còn quan hệ thứ bậc, lao tâm, lao lực song cũng có phần mềm dẻo hơn, uyển chuyển cho thích hợp và từ đó dần dần hình thành tư chất riêng của người dân xứ Quảng.

Kể từ đời nhà Hán, Lục Giả đặt ra thuyết *tam cương ngũ thường* tức ba giềng mối cơ bản (gốc) của xã hội là: quân thần, phụ tử, phu phụ (vua tôi, cha con, vợ chồng). Với sự sửa đổi của Đông Trọng Thư, đường lối chính trị thời đại nhà Hán đã mất dần yếu tố tiến bộ mà trở nên phục cổ một cách huyền bí. Một mặt Đông Trọng Thư duy trì *tam cương* của Lục Giả,

⁸ Theo: **Tư liệu tham khảo Văn học Việt Nam** - Tập 2. Nxb Giáo dục 1979. Tr 56.

đồng thời đưa ra *nhân, lễ, nghĩa, trí, tín* của Mạnh Tử để lập nên công thức ngũ thường dùng lý luận ăn khớp với học thuyết ngũ hành là một học thuyết phổ biến vào thời nhà Hán, đặc biệt đưa bói toán vào xã hội làm cho con người tin vào lực lượng siêu hình, biết quán xuyên toàn bộ hoạt động của con người về quá khứ, hiện tại, tương lai. “Ngũ thường của Đổng Trọng Thư là thuyết về năm đức tính của con người: *nhân, lễ, nghĩa, trí, tín* tương ứng với năm nguyên tố của vạn vật theo thuyết ngũ hành trong kinh Dịch là: kim, mộc, thủy, hỏa, thổ. Người làm chủ tam cương, ngũ thường, xét về giới tính thì đàn ông, còn đàn bà là phụ thuộc”. Đổng Trọng Thư đã nói một cách thần bí: “*Vua có ngũ thường tô điểm, thì được Trời giúp, quỷ thần phù hộ, đức lan ra khắp đến mọi loài*”⁹. Nho giáo vào làng xóm Việt Nam pha tạp cùng Đạo giáo và Phật giáo hình thành nên nhiều hình thức về quan niệm vũ trụ nhân sinh. Quan niệm trong nhân dân đã pha tạp cùng một lúc đến hai, ba hệ tư tưởng ngoại lai tác động. Xứ Quảng trong suốt thời kỳ phong kiến, hình thức này ảnh hưởng khá mạnh, tạo nên trong phong tục, tập quán, lễ hội nhiều thành tố huyền bí, nhiều nhất là trong việc tang, việc cưới, làm nhà... Về sau, Nho giáo ảnh hưởng tư tưởng Chu Hy kết hợp “*đạo*” và “*đức*” của Lão Tử với thuyết “*Sắc tức thị không, không tức thị sắc*” của Phật giáo với thuyết *âm, dương – ngũ hành, thái cực* của kinh Dịch mà lập nên đồ án vũ trụ.

Tóm lại, học thuyết Nho giáo ảnh hưởng sâu sắc đến các tầng lớp Nho của người Việt, đồng thời qua Nho, ảnh hưởng đến tinh thần của nhân dân ta có thể nói là sâu sắc đến nay

⁹ Tư liệu tham khảo Văn học Việt Nam. Sđd.

chưa dứt. Trong thực trạng chung đó cũng đã ảnh hưởng đến đời sống tinh thần của người dân xứ Quảng, một mặt biểu hiện ở tư tưởng, một mặt ở phong tục, tập quán, văn học, mỹ học...

+ Lão giáo:

Đạo Lão vào Việt Nam và được người Việt tiếp thu sau Nho giáo. Vào Việt Nam, người Việt xây dựng lại hình tượng một ông tiên khác với nguyên mẫu từ Trung Hoa đến. Sở dĩ ta tiếp thu được hệ tư tưởng Lão giáo, ở chỗ có điểm gần gũi với tư tưởng của người Việt trong quan niệm biến dịch và đồng thời cộng với học thuyết “Sắc tức thị không, không tức thị sắc” của đạo Phật, nên một chừng mức qua quá trình giao lưu, người Việt dưới thời phong kiến tìm những điểm tương đồng, gạn lọc để tiếp thu. Đôi khi trong cuộc sống của người Việt hệ tư tưởng Lão giáo tỏ ra xuất sắc khi phủ nhận Nho giáo, mà đó cũng là vũ khí lợi hại chống lại những ràng buộc của Nho giáo.

Lão giáo về sau phân hoá, có phái Đạo giáo gần giống một tôn giáo tìm mưu cầu cho việc “trường sinh bất tử” của con người, vì vậy đạo giáo chứa rất nhiều yếu tố mê tín dị đoan. Có thể nói rằng Đạo giáo được người dân xứ Quảng từ thế kỷ thứ XV có mang theo vào vùng đất mới, gặp phải nơi đây đầy những khó khăn, những hiện tượng thiên nhiên đầy bí ẩn làm thiệt hại mùa màng, con người..., từ thực tiễn đó là môi trường để cho Đạo giáo với cách trừ “ma”, trừ “tà” chiếm lĩnh tư tưởng, tạo nên những tục lệ gắn với quá trình chinh phục thiên nhiên của con người xứ Quảng, trở thành những

thành tố mang yếu tố mê tín, dị đoan mà trong số tục lệ như sinh đẻ, cưới hỏi, ma chay, đốt giấy vàng bạc... nay, những yếu tố trên vẫn còn tồn tại trong một bộ phận nhân dân, tiếp diễn theo đời sống thường ngày.

Thời Hậu Hán (Lão Tử chết), thế kỷ thứ II trước công nguyên, Trương Lăng (Trương Lăng Đạo) lấy Lão giáo pha trộn với lối dùng bùa phép, phù chú bắt quỷ, trừ ma, tổ chức ra Yêu đạo (đạo ma quái). Mục đích của Trương Lăng Đạo là tin rằng có thần tiên nên dựa vào thần tiên, ma quỷ, yêu quái để làm cho người dân tin theo, tập hợp họ lại chống lại triều đại phong kiến đang thống trị. Và, về sau, chính Yêu đạo này đã trở thành một thứ mê tín cầu tiên và phù thủy. Việc thờ tiên phải có phép tắc, thờ nhiều vị, thứ nhất là Nguyên thủy thiên tôn (tức Ngọc hoàng thượng đế), thứ hai Lão quân (tức Thái thượng Lão quân, tức Lão Tử, do đồ đệ suy tôn khi cho rằng Lão Tử thành tiên) do Ngọc hoàng thượng đế hoá thân, ba là Huyền thiên thượng đế (tức sao Bắc cực đã tôn thành thần có hiệu Huyền Vũ sau là Chân Vũ¹⁰, bốn là Văn xương đế quân, năm là Phong đô thần coi về địa ngục ở cửu tuyền¹¹.

Đạo giáo ra đời từ Trung Quốc, sang Việt Nam¹² nhanh chóng nhập vào quan niệm dân gian địa phương, lôi kéo quan niệm này xem là có lực lượng thần linh như: thần giữ bếp, thần giữ ngõ, thần giữ nhà, thần giữ đất, thần tài giữ cửa, ông bình

¹⁰ Do phạm húy vua nhà Tống, phải đổi Huyền Vũ sang Chân Vũ.

¹¹ **Cửu tuyền**: tức âm cung, tức chín tầng địa ngục.

¹² Ước đoán từ thời Hán Linh đế. Theo: **Tư liệu tham khảo Văn học Việt Nam**. Tập 2. Nxb GD 1979.

vôi... kết hợp với nhau nảy sinh hình thức phù thủy, lấy đồng bóng, dùng bùa chú, tà phép gọi là để trừ được yêu ma, quỷ quái... Hình thức như vậy phần nào cũng bị các nhà Nho đời sau phản đối vì có tính mê tín, dị đoan, không thật. Chẳng hạn: *Đồng giới sao đồng không giúp nước, Hay là đồng sợ sủng thần công!* Là một ví dụ.

Vùng đất Quảng Nam – Đà Nẵng ảnh hưởng của Đạo giáo cũng khá sâu sắc do bước đầu vào Nam mở đất, xáp mặt với thiên nhiên quá khắc nghiệt nên nhân dân gán cho mọi vật đều có tri giác, có linh thiêng, có suy đoán trước sau, quyết định vận mệnh con người. Họ tin vào Đạo giáo biểu hiện qua phong tục có mang dáng dấp phù thủy như: cúng nam thương giải thoát oan hồn, nhưng sao giải hạn..., mãi đến thời nay được cho là có mang yếu tố mê tín, dị đoan. Họ không còn tin như trước.

+ Phật giáo:

Ảnh hưởng từ học thuyết của đạo Phật, người dân xứ Quảng quan niệm rằng thiên nhiên không do một lực lượng bên ngoài nào chi phối mà tồn tại là do vận động tự bản thân nó. Quy luật vận động là quy luật của nhân quả, luân hồi. Mỗi sự vật vô thủy, vô chung, có sinh, có diệt. Tư tưởng “nhân duyên” này lại gần với tư tưởng âm, dương của người Việt, thêm vào đó cũng gần với tư tưởng biến dịch, vì thế về mặt này, tư tưởng Phật giáo ảnh hưởng được trong quá trình giao lưu văn hoá với nhau. Người Việt quan niệm vũ trụ và con người có sự cảm ứng nên dẫn đến tư tưởng thông nhất vũ trụ

và người với hệ tư tưởng vũ trụ đồng nhất. Do đó thuyết “*sắc tức thị không, không tức thị sắc*” (Sắc biến thành không nên là vô thường. Mọi sự vật có mà không, không mà có, biến dịch thường xuyên trong hệ quả của âm, dương cũng là của tư tưởng luân hồi). Người Việt dễ tiếp thu là ở chỗ đó.

Người dân xứ Quảng thuở xưa mang theo tư tưởng này của Phật giáo vào xứ sở mới khai phá, nhưng để củng cố lại phải chờ đến “1665 (Ất ty) dưới thời chúa Nguyễn Phước Tần lập chùa Thập tháp A Di Đà tại Tuy Viễn,¹³ do một nhà sư Trung Quốc sang trụ trì, từ đó người dân Đàng Trong (có xứ Quảng) mới bắt đầu giao lưu với đạo Phật có hệ thống hơn. Phật giáo vào xứ Quảng đã có phần mềm cho phù hợp với thực tiễn cuộc sống nơi đây, người dân tiếp thu Phật giáo có pha trộn với Nho, Lão. Số lượng tăng đồ đông lên: “*Con trai 16 tuổi trở lên thể chất cường tráng thì bắt làm lính, vì vậy cha mẹ sợ con bị bắt lính nên khi con lớn tuổi liền cho đi ở chùa làm sãi, may ra được khỏi. Vì có ấy, tăng đồ rất đông, nhưng Phật pháp cũng do đó sinh ra hỗn loạn, chẳng những thiền tông tuyệt nhiên không đếm xỉa, mà cho việc Luật, Luận cũng buông trôi chẳng chút quan tâm, đến nỗi những phường áo tràng, mũ ni, nét xấu tật hư còn quá dân quê nơi làng mạc*”¹⁴. Xem thế, thời ấy, Phật giáo cũng có những bước thăng trầm tại đây vào thời kỳ đầu khai phá. Tình hình như vậy, Nho và

¹³ **Việt Nam Phật giáo sử lược** – Thích Mật Thể - Tân Việt Hà Nội 1944 (Phật giáo thời Nam, Bắc triều). Dẫn theo **Quảng Nam qua các thời đại** – Phan Du - Cổ học tùng thư, Đà Nẵng 1974. Tr 224.

¹⁴ **Hải ngoại kỷ sự** - Thích Đại Sán - Dẫn theo **Quảng Nam qua các thời đại** - Phan Du. Sđd Tr 231. Cũng xem: **Việt sử: xứ Đàng Trong** – Phan Khoang – Sđd. Tr 502.

Đạo giáo chiếm ưu thế tuyệt đối, đến nỗi: “Tăng chúng phần đông chẳng giữ giới luật, tôi (tức Nguyễn Phúc Chu-VVH) sẽ phát lệnh bài đi khắp các phủ, bắt bọn chúng đem về trình lão Hoà thượng, buộc mỗi người phải chịu ba đàn giới luật, mới được cấp cho giới điệp, miễn trừ giao dịch, tô thuế”. Thời bấy giờ đạo Phật có được sùng bái, tăng đồ đông nhưng ít ảnh hưởng sâu rộng trong nhân dân xứ Quảng. Trong một cáo bạch, Bạch Liêm Hoà thượng dán ở các chùa: “...Nho, Giáo, hai giáo phái đều có truyền thống ở đây ta không bàn đến. Ta chỉ nói riêng về Thích giáo, Đức Đại hùng Văn Phật giáo hoá chúng sinh, lấy lòng từ bi làm lợi cho muôn vật, lấy trí tuệ tiếp độ mọi người, dạy học chia thành ba môn để cho kẻ hậu tiến tiến đường xu hướng. Dọc sơn tổ bảo rằng: Luật có luật sư, Luận có luận sư. Hiện nay, bảo là Tôn sư thì chưa hiểu thuyên chỉ, bảo rằng Luật sư thì chưa hiểu Giới tướng, bảo rằng Luận sư thì lại chưa hiểu kinh nghĩa, hành động nhỏ nhẻ, nói năng lộn xộn, tự ý đặt điều làm hại kẻ hậu học, khinh Trời, dối Phật, ăn thí cúng của Thập phương, thực là loài ma nghiệt, sứ một trong Pháp môn vậy. Những kẻ tự xưng Đại Tăng phần đông bề ngoài nấu nướng của Phật, bề trong hoạt động yêu ma, dê khoát lột hùm, thỏ bày chôn lũ, lộng hành khắp xứ, mười điều sai chín...”¹⁵

Khi người xứ Quảng tiếp thu đạo Nho, Lão, Phật là ba hệ tư tưởng có những điểm khác nhau về nhân sinh quan cũng như vũ trụ quan. Không Tử tin vào mệnh Trời thì Lão Tử phủ nhận Trời mà tin vào quy luật tự nhiên, còn Phật tin vào bản thể đồng nhất của vũ trụ. Do vậy, ảnh hưởng các hệ tư tưởng

¹⁵ Hải ngoại ký sự - Thích Đại Sán - Sđd. Tr 232.

trên vào người Quảng có pha tạp lẫn nhau trong quan niệm, trong đó Nho và Lão vẫn có ưu thế tạo thành những thành tố trong phong tục, tập quán. Tư tưởng Phật giáo vào sâu song không mạnh mẽ. Tuy nhiên để giải thích cuộc sống, lý thuyết đạo Phật sâu hơn nên các nhà Nho bám trụ tại làng cũng khó mà phê phán được. Tình hình như vậy làm cho có lúc Nho có lúc Đạo, có lúc Phật tác động vào đời sống tinh thần của người Quảng. Do thế một pháp sư (thầy phù thủy, thầy điệu) cũng có lúc sử dụng ảnh hưởng của Phật trong tế lễ, khi thực hiện các tục lệ gắn liền theo một vòng đời mỗi con người. Những gia đình người Quảng theo đạo Phật thường thờ trong nhà Đức Quán Thế Âm là một vị Đại Bồ tát, vì đây là vị đã phát nguyện là sẵn sàng giúp đỡ cứu hộ chúng sinh ở thế gian này. Tuy thế, trong việc thực hành các phong tục, tập quán, lễ hội những người theo đạo Phật vẫn tổ chức đan xen các thành tố vừa có tín ngưỡng truyền thống (thờ cúng ông bà) với đạo Nho, đạo Phật, đạo Lão trong cuộc sống cho phù hợp.

+ Thiên chúa giáo:

Có thể ước rằng đạo Thiên chúa vào xứ Quảng “*Năm 1615, giáo hội phái các giáo sỹ Francesco Buzomi người Ý, Diego Carvalho, người Bồ, từ Macao sang Touran, xin được chúa Sãi cho phép truyền đạo, lập lên giảng đường đầu tiên, rồi sau đến Faifo, ở đây bấy giờ đã có người Bồ, người Nhật buôn bán đông đúc*”¹⁶

¹⁶ Việt sử: xứ Đàng Trong – Phan Khoang – Nxb Văn học 2000.Tr 454.

Tuy nhiên, ngay bước đầu hoạt động của đạo Thiên chúa đã trở ngại nhiều do hệ tư tưởng có phần xa lạ đối với quan niệm người dân Đàng Trong thời bấy giờ: *“Phật giáo, Khổng giáo, tục lệ thờ cúng ông bà, hoặc do sự vụng về của một số giáo sỹ trong lối truyền giảng như chê bai, khinh bác Phật giáo, Khổng giáo, hoặc vì những tín điều, nghi thức trái ngược với phong tục tập quán xã hội và cũng có khi do những rủi ro bất ngờ chẳng hạn như thiên tai, hạn hán xảy ra trong xứ để các giáo sỹ bị quy trách nhiệm, giới giáo sỹ phải gặp nhiều khó khăn về mặt truyền đạo, vì việc thay đổi thái độ của chúa cùng các triều thần, vì sự thù ghét của đa số dân chúng”*¹⁷. Mặt khác, người dân xứ Đàng Trong không tiếp thu tư tưởng Thiên chúa giáo mà cho rằng đây là “tà giáo” làm cho Trời - Đất bất bình, trung triệu bằng nhật thực, nguyệt thực, hạn hán, mất mùa. Người dân tin rằng, hiện tượng nhật thực, nguyệt thực là do hiện tượng mặt trời, mặt trăng bị rồng ăn, gấu nuốt nên mỗi khi có nguyệt thực, nhật thực xảy ra, nhân dân phải đánh chuông, đánh mõ, đập thùng thiếc, đập nong nia, chính quyền phải cho bắn súng thần công, đại bác để rồng hoặc gấu phải nhả ra hầu cho mặt trời, mặt trăng chóng được sáng tỏ trở lại. Dân các làng có khô hạn, mất mùa phải tổ chức cho người đầu làng “Đào võ” ăn chay năm đất ba ngày nhằm chịu sự trừng phạt của Trời để có võ thuận phong điều trở lại. *“Thiên chúa giáo đã gặp nhiều trở ngại ở Đàng Trong cũng như ở Đàng Ngoài: cấm chỉ, tù phạt, đốt phá giáo đường, giết hại giáo đồ, giáo sỹ. Vì sao? Chắc không phải vì tông giáo, vì người Việt từ nghìn xưa đã sẵn có tinh thần bao dung tông giáo, sẵn quan niệm “đồng quy, thù đồ” coi tông giáo nào*

¹⁷ **Quảng Nam qua các thời đại** - quyển thượng – Phan Du. Sđd Tr 104.

cũng nhằm mục đích thiện cả. Nhưng ấy là vì phong tục, lễ nghi của tín đồ Thiên chúa giáo có nhiều chỗ khác biệt, trái ngược với của mình và phong tục, lễ nghi ấy mình chưa thấu ý nghĩa. Ví dụ trong lúc các quan, các chúa có người có 50, 70, 100 vợ lẽ, nàng hầu, thì các giáo sỹ tẩy chay việc đa thê, khuyến dụ cái lễ một chồng một vợ, trong lúc toàn dân lấy đạo hiếu làm mối đầu của đạo làm người, mà hiếu là phải “sự tử như sự sanh” thì các giáo sỹ lên án việc thờ cúng tổ tiên”¹⁸

Vì thế, tư tưởng đạo Thiên chúa xem có xa lạ với nhân dân xứ Quảng, có chăng tồn tại ở những thôn, xóm vạn chài, làng mới thành lập, cư dân mới tập trung, mới chịu sự chi phối của tư tưởng Thiên chúa giáo.

Không tiếp thu tư tưởng Thiên chúa giáo “do dân tộc Việt Nam là một dân tộc có văn hiến, họ tử mi giữ gìn những lễ nghi, tôn giáo hoặc phép lịch sự bắt buộc phải giữ. Ai không giữ họ coi như khinh bỉ, chế nhạo và làm nhục họ. Nhưng những con buôn Âu Châu, trong lúc tiếp xúc với người Việt mà họ cho là mọi rợ, chẳng những đã không thêm giữ những lễ nghi ấy - và lại họ có biết gì đến phong tục thuần túy của dân Việt - họ còn có những cử chỉ sỗ sàng và gian xảo, vì vậy người Việt Nam chẳng những ghét người ngoại quốc mà còn ghét lây cả công giáo nữa”¹⁹.

¹⁸ Việt sử: xứ Đàng Trong – Phan Khoang – nxb văn học 2000. Tr 464.

¹⁹ Việt Nam giáo sử - Phan Phát Huồn - Dẫn theo Quảng Nam qua các thời đại – Phan Du – Sđd. Tr 216. Cũng xem: Việt sử: xứ Đàng Trong – Phan Khoang – Sđd. Tr 464.

Lại thêm, tác động của chính quyền thời bấy giờ có lệnh cấm đạo nên tư tưởng Thiên chúa giáo không thể ăn sâu vào nhân dân. Lệnh cấm đạo ban hành “ngày 5 tháng 5 năm 1750 viết: Vì người Âu Châu truyền bá một tôn giáo có ma pháp dễ làm mê muội những người tin theo. Lại vì những người chất phát thường dễ bị quyến dụ bởi tôn giáo ấy, nên chúa thượng phải ra lệnh ngăn cấm. Ngài không muốn, kể từ nay, giáo dân còn được tụ họp với nhau như trước nữa. Vì những lý do này, chúa thượng cho tất cả các quan ở các phủ trấn bắt các giáo sỹ, tịch thu của cải, áp giải về Huế hay dinh trấn Thanh Chiêm. Lại phải trút đoạt tất cả các vật dụng có tính chất tôn giáo như ảnh tượng, thánh giá, kinh sách...và phá huỷ các giáo đường rồi giao vật liệu cho các làng sở tại”.²⁰ Hoặc: “Xưa kia ở Á Đông nhà cầm quyền trị nước, chú trọng trước hết đến phương diện giáo hoá nhân dân. Nay thấy nhân dân bị giáo hoá một cách khác với nền giáo hoá thông thường mà họ tưởng là bất di bất dịch, thấy nhân dân của mình không chịu “hương hoá” thì kẻ có chức trách phải trị”.²¹

Xem thế, tình hình ảnh hưởng của Thiên chúa giáo vào phong tục, tập quán, lễ hội xứ Quảng là rất ít, trừ những làng mới thành lập, do đó không tạo nên trong phong tục, tập quán mang những thành tố của Thiên chúa giáo vào cuộc sống. Và, tất nhiên, trước hết Nho giáo, Đạo giáo chiếm ưu thế, đến Phật giáo mới góp phần hình thành nên những yếu tố ngoại lai trong tập tục của người dân vùng đất Quảng. Thời phong kiến cái gì

²⁰ Mgr. Bennelat – *Relation de la Persecution. Arch. M.E.* (Cf. La Geste Frise eu Indochine p. 100) Dẫn theo Phan Du. Sđd. Tr 220.

²¹ *Việt sử: xứ Đàng Trong* – Phan Khoang – Sđd. Tr 465.

trung với vua là đúng, những gì hợp với Trời, Phật, Thánh thần là đúng, cho nên tồn tại của tư tưởng ngoại lai cũng là tồn tại của văn hoá Nho giáo, Đạo giáo, Phật giáo được kết tinh trong nguyên tắc đạo đức của phong tục, tập quán, lễ hội thời phong kiến./.